

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường năm học 2023-2024

1. Ngành đào tạo Công nghệ thông tin (7480201)

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo			
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	Liên thông chính quy Văn bằng 2 chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên và đạt một trong các điều kiện sau: - Điểm trúng tuyển theo tổ hợp điểm thi tốt nghiệp THPT từ 15 điểm; - Điểm xét theo điều kiện kết quả học tập THPT (theo đề án tuyển sinh) từ 18 điểm; - Điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5.5 điểm; - Điểm xét kỳ thi Đánh giá năng lực Đại học Quốc gia Tp.HCM từ 550 điểm; - Kết quả xét tuyển cho thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài phải từ mức Đạt (tức từ mức điểm trung bình trở lên, hệ chuẩn 5/10) với trung bình tất cả các môn học hoặc trung bình tổ hợp 03 môn học phù hợp với ngành xét tuyển.	

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo				
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			* Kiến thức: - PLO1: Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ sở ngành: thuật toán và cấu trúc dữ liệu, ngôn ngữ và kỹ thuật lập trình, cơ sở dữ liệu, các công nghệ web, mạng máy tính, và xu hướng công nghệ. - PLO2: Thực hiện được các công việc và tham gia được vào quy trình phát triển dự án CNTT và có đủ kỹ năng mềm để tham gia hiệu quả vào các nhóm dự án.		
				* Kỹ năng: - PLO3: Có khả năng phân tích thiết kế, phát triển, triển khai vận hành, đảm bảo an toàn thông tin, và bảo trì các hệ thống CNTT. - PLO4: Có thể lập trình với các ngôn ngữ lập trình và nền tảng phát triển như: Java, C#/.NET, Python, nền tảng web/mobile, AI và IoT. - PLO5: Sử dụng được các công nghệ hiện đại để phát triển những hệ thống ứng dụng thông minh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.		
				* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp: Tuân thủ các quy tắc đạo đức và hành vi chuyên nghiệp để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin.		
				* Về khả năng hội nhập - PLO7: Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống. - PLO8: Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.		

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo			
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	Liên thông chính quy Văn bằng 2 chính quy
				- PLO9: Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gần gũi với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...	
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			• Chính sách: - Chính sách miễn giảm, học bổng cho sinh viên như học bổng phát triển tài năng, học bổng vượt khó, học bổng vì công lý, học bổng khuyến học - Các quy chế, quy định như: quy chế sinh viên, quy tắc ứng xử cho sinh viên, quy định khen thưởng, kỷ luật; quy chế học tập, rèn luyện - Sinh viên được đánh giá rèn luyện, chuyên cần - Khuyến khích sinh viên tham gia Nghiên cứu khoa học với các hoạt động như tổ chức Hội thảo khoa học ở các Khoa cho sinh viên, ban hành quy định về công tác Nghiên cứu khoa học trong sinh viên. • Dịch vụ hỗ trợ: - Hỗ trợ giấy tờ cho sinh viên như xác nhận sinh viên, vay vốn, xe buýt... - Hướng dẫn, tư vấn, giới thiệu nhà trọ; nơi thực tập. - Tư vấn tâm lý, sức khỏe cho sinh viên khi có nhu cầu - Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, thắc mắc trong học tập, đời sống sinh hoạt của sinh viên - Tổ chức gặp mặt sinh viên và ban giám hiệu hằng năm - Thông tin về lịch học, thi, chương trình của Nhà trường được thông báo qua nhiều kênh: bảng tin, email cá nhân, website, mạng xã hội... - Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các chương trình cho sinh viên như an toàn giao thông, lớp học kỹ năng, nghệ thuật...	

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo																																																						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy																																																
				Chính quy																																																				
				- Hỗ trợ kỹ năng học tập, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp qua các buổi talkshow, chuyên đề Hoạt động, sinh hoạt: - Hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động các Câu lạc bộ văn nghệ, học thuật cho sinh viên - Tổ chức văn nghệ, giao lưu học hỏi với các trường Đại học, Cao đẳng khác trong khu vực - Tổ chức các hoạt động phong trào: rung chuông vàng, hội trại truyền thống... - Tổ chức các hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng: mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi																																																				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương <table><tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Khối kiến thức</th><th colspan="3">Số tín chỉ</th></tr><tr><th>Tổng cộng</th><th>Bắt buộc</th><th>Tự chọn</th></tr><tr><td>1.</td><td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td><td>53</td><td>41</td><td>12</td></tr><tr><td>1.1.</td><td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td><td>15</td><td>6</td><td>9</td></tr><tr><td>1.2.</td><td>Ngoại ngữ</td><td>18</td><td>18</td><td></td></tr><tr><td>1.3.</td><td>Chính trị</td><td>11</td><td>11</td><td></td></tr><tr><td>1.4.</td><td>Thể chất và quốc phòng</td><td>9</td><td>6</td><td>3</td></tr><tr><td>2.</td><td>NGÀNH</td><td>71</td><td>65</td><td>6</td></tr><tr><td>2.1.</td><td>Cơ sở ngành</td><td>24</td><td>24</td><td></td></tr><tr><td>2.2.</td><td>Cốt lõi ngành</td><td>29</td><td>29</td><td></td></tr></table>			TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		1.3.	Chính trị	11	11		1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3	2.	NGÀNH	71	65	6	2.1.	Cơ sở ngành	24	24		2.2.	Cốt lõi ngành	29	29			
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																						
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																				
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12																																																				
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																				
1.2.	Ngoại ngữ	18	18																																																					
1.3.	Chính trị	11	11																																																					
1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3																																																				
2.	NGÀNH	71	65	6																																																				
2.1.	Cơ sở ngành	24	24																																																					
2.2.	Cốt lõi ngành	29	29																																																					

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo								
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học					Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
				Chính quy						
				2.3.	Chuyên ngành	12	12			
				2.4.	Lựa chọn liên ngành	6		6		
				3.	TỐT NGHIỆP	6		6		
					TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	106	24		
				4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45		
				4.1.	Song ngành	30		30		
				4.2.	Ngành phụ	15		15		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			Có khả năng học tập suốt đời thông qua tự học, tự nghiên cứu, để bổ sung kiến thức và kỹ năng tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp.						

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo			
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	Liên thông chính quy Văn bằng 2 chính quy
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			❖ Lĩnh vực nghề nghiệp - Công nghiệp phần mềm - Tư vấn xây dựng hệ thống - Công nghiệp nội dung số - Kinh doanh sản phẩm phần mềm và CNTT - Dịch vụ phần mềm và CNTT - Hệ thống thông tin - Dịch vụ giáo dục - Các lĩnh vực ứng dụng phần mềm và CNTT - Các lĩnh vực xử lý dữ liệu ❖ Vị trí nghề nghiệp - Kỹ sư phát triển phần mềm - Nhân viên IT trong các cơ quan, doanh nghiệp - Chuyên viên quản trị mạng - Nhân viên kiểm thử phần mềm - Chuyên viên nghiên cứu phát triển các giải pháp AI, IoT - Chuyên viên đảm bảo an toàn thông tin - Chuyên viên đào tạo, huấn luyện CNTT - Các vị trí quản lý như Quản lý dự án CNTT, trưởng phòng IT - Tư vấn, triển khai các giải pháp chuyển đổi số - Khởi nghiệp với các dự án CNTT - Hoặc sinh viên có thể tiếp tục học ở các bậc học cao hơn.	

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT		
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			* Kiến thức và kỹ năng - PLO.1: Kế toán tài chính: Xử lý nghiệp vụ, tổ chức hệ thống kế toán và lập báo cáo tài chính. - PLO.2: Thuế: Tìm hiểu, cập nhật, thực thi tuân thủ và lập kế hoạch thuế phù hợp. - PLO.3 Quản trị tài chính: Lập, trình bày và thuyết minh các phương án tài chính hỗ trợ ra quyết định. - PLO.4: Kế toán quản trị: Thiết lập ngân sách, kiểm soát chi phí, và tổ chức hệ thống báo cáo quản trị. - PLO.5: Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo: Đánh giá hệ thống thông tin và kiểm soát nội bộ, thu thập bằng chứng và thực hiện các thủ tục để đáp ứng các mục tiêu của kiểm toán và đảm bảo. - PLO.6: Dữ liệu & công nghệ: Phân tích và đánh giá dữ liệu bằng cách sử dụng các công nghệ và công cụ tiên tiến nhằm hỗ trợ ra quyết định hiệu quả.		
				* Thái độ, đạo đức nghề nghiệp và khả năng hội nhập - PLO.7: Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống. - PLO.8: Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống. - PLO.9: Cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gắn kết với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột.		

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học						
				Chính quy		Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy			
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học									
				Tương tự ngành CNTT						
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương						
				TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ				
						Tổng cộng			Bắt buộc	Tự chọn
				1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53			41	12
				1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15			6	9
				1.2.	Ngoại ngữ	18			18	
				1.3.	Chính trị	11			11	
				1.4.	Thế chất và quốc phòng	9			6	3
2.	NGÀNH	71	59	12						

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học					Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
				Chính quy						
				2.1.	Cơ sở ngành	23	23			
				2.2.	Cốt lõi ngành	36	36			
				2.3.	Chuyên ngành	12		12		
				3.	TỐT NGHIỆP	6		6		
					TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	100	30		
				4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45		
				4.1.	Song ngành	30		30		
				4.2.	Ngành phụ	15		15		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.						
VI	Vị trí làm việc sau khi			❖ Lĩnh vực nghề nghiệp - Kinh doanh, kế toán, tài chính trong các công ty trong nước và quốc tế. - Tổ chức tài chính như Ngân hàng thương mại, Công ty chứng khoán, Công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư.						

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
	tốt nghiệp			❖ Vị trí nghề nghiệp - Chuyên viên bộ phận quản trị tài chính - kế toán của các doanh nghiệp sản xuất thương mại, dịch vụ (doanh nghiệp, tổ chức tài chính, đơn vị hành chính sự nghiệp); - Nhân viên các công ty tư vấn, dịch vụ kế toán - kiểm toán; - Chuyên viên kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp sản xuất thương mại, các định chế tài chính, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp của các quốc gia trong khu vực ASEAN; - Chuyên viên phân tích báo cáo, dữ liệu kế toán, tài chính.		

3. Ngành Tài chính – Ngân hàng (7340201)

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT		

ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thôn g chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			* Kiến thức - PLO1: Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin và các kiến thức giáo dục đại cương khác để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời. - PLO2: Giải thích được các hiện tượng, nguyên lý nền tảng của kinh tế và kinh doanh liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. - PLO3: Áp dụng các kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, đặc biệt là trong nghiệp vụ và quản trị ngân hàng, phân tích và đầu tư tài chính nhằm đưa ra quyết định phù hợp. Đồng thời, người học có thể thi lấy chứng chỉ hành nghề của Ủy ban chứng khoán, cũng như nâng cao trình độ để thi CFA level 1. - PLO4: Ứng dụng các kiến thức công nghệ mới trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng vào thực tiễn, nắm bắt và thường xuyên cập nhật các công nghệ mới trong ngành.		
				* Kỹ năng - PLO5: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và làm việc nhóm trong môi trường hội nhập. - PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh (tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) và sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng phục vụ cho công việc. - PLO7: Có kỹ năng sử dụng tin học văn phòng thành thạo..		
				* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm - PLO8: Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; chủ động học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ và học tập suốt đời, linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống. - PLO9: Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.		

ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học																				
				Chính quy	Liên thôn g chính quy	Văn bằng 2 chín h quy																		
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			- PLO10: Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gắn kết với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...																				
				Tương tự ngành CNTT																				
IV	Chươn g trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương <table><tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Khối kiến thức</th><th colspan="2">Số tín chỉ</th></tr><tr><th>Tổng cộng</th><th>Bắt buộc</th></tr><tr><td>1.</td><td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td><td>53</td><td>41</td></tr><tr><td>1.1.</td><td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td><td>15</td><td>6</td></tr><tr><td>1.2.</td><td>Ngoại ngữ</td><td>18</td><td>18</td></tr></table>	TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Tổng cộng	Bắt buộc	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																						
		Tổng cộng	Bắt buộc																					
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41																					
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6																					
1.2.	Ngoại ngữ	18	18																					

ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học					Liên thôn g chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
				Chính quy						
				1.3.	Chính trị	11	11			
				1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3		
				2.	NGÀNH	71	56	15		
				2.1.	Cơ sở ngành	23	23			
				2.2.	Cốt lõi ngành	33	33			
				2.3.	Chuyên ngành	15		15		
				3.	TỐT NGHIỆP	6		6		
					TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	97	33		
				4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45		
				4.1.	Song ngành	30		30		
				4.2.	Ngành phụ	15		15		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.						

ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thôn g chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghề			❖ Lĩnh vực nghề nghiệp - Kinh doanh, kế toán, tài chính trong các công ty trong nước và quốc tế - Tổ chức tài chính như Ngân hàng thương mại, Công ty chứng khoán, Công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư... ❖ Vị trí nghề nghiệp - Chuyên gia phân tích tài chính tại các doanh nghiệp và các định chế tài chính: các quỹ đầu tư, kinh doanh bất động sản, công ty tài chính, bảo hiểm, chứng khoán, ngân hàng thương mại...; - Chuyên gia hoạch định tài chính, kiểm soát chi phí và hoạch định dòng ngân lưu cho các doanh nghiệp và các định chế tài chính; - Chuyên gia phân tích đầu tư và môi giới tại các công ty chứng khoán; - Chuyên gia quản trị và định giá tài sản tài chính (bao gồm cả bất động sản) cho các doanh nghiệp, các định chế tài chính, các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư và những người có thu nhập khác ở Việt Nam; - Chuyên gia phân tích và thiết lập các chương trình quản trị rủi ro cho doanh nghiệp và ngân hàng; - Chuyên gia thiết lập các mô hình tài chính hiệu quả cho các doanh nghiệp và các định chế tài chính; - Chuyên gia tín dụng và đầu tư tại các bộ phận tín dụng ở các ngân hàng thương mại; - Chuyên gia kinh doanh ngoại hối tại bộ phận kinh doanh ngoại hối và đầu tư ở các ngân hàng thương mại; - Chuyên gia quản lý và kinh doanh vốn ở các công ty tài chính và ngân hàng thương mại; - Chuyên gia tư vấn tài chính tại các công ty kiểm toán trong nước và quốc tế;		

ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông g chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
				- Các vị trí cấp cao như quản lý bộ phận, giám đốc chi nhánh, giám đốc tài chính, giám đốc điều hành. Chuyên gia thiết lập các mô hình tài chính hiệu quả cho các doanh nghiệp và các định chế tài chính; - Chuyên gia tín dụng và đầu tư tại các bộ phận tín dụng ở các ngân hàng thương mại; - Chuyên gia kinh doanh ngoại hối tại bộ phận kinh doanh ngoại hối và đầu tư ở các ngân hàng thương mại; - Chuyên gia quản lý và kinh doanh vốn ở các công ty tài chính và ngân hàng thương mại; - Chuyên gia tư vấn tài chính tại các công ty kiểm toán trong nước và quốc tế; - Các vị trí cấp cao như quản lý bộ phận, giám đốc chi nhánh, giám đốc tài chính, giám đốc điều hành;		

4. Ngành Quản trị kinh doanh (7340101)

ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT		
II				* Kiến thức		

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			PLO1: Ứng dụng kiến thức kinh tế học để nhận định tình hình kinh tế và thị trường; PLO2: Thiết lập và thực hiện các hoạt động và dự án kinh doanh theo quy trình quản lý (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát); PLO3: Sử dụng các ứng dụng công nghệ để xử lý và phân tích số liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định kinh doanh; PLO4: Lập và phân tích báo cáo tài chính, danh mục đầu tư, báo cáo phân tích kinh doanh của các doanh nghiệp; PLO5: Tổ chức hoạt động bán hàng, chăm sóc khách hàng; PLO6: Theo chuyên ngành: - PLO6.1: Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp: Lãnh đạo đội nhóm linh hoạt và nhạy bén trong bối cảnh kinh doanh toàn cầu. - PLO6.2: Chuyên ngành Kinh Doanh Bất Động Sản: Lập kế hoạch đầu tư; Xây dựng sản phẩm; Định giá và kinh doanh bất động sản. - PLO6.3: Chuyên ngành Truyền Thông - Đa Phương Tiện: Xây dựng nội dung truyền thông sắc nét, hợp xu thế và tạo được tác động mong muốn; tự tin nói trước công chúng, truyền tải thông điệp hiệu quả bằng nhiều kênh.		
				* Kỹ năng - Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn và các dạng tư duy khác (biện chứng, phân tích, phán đoán); - Có kỹ năng làm việc nhóm; - Có kỹ năng giao tiếp bằng lời nói và thuyết trình, kỹ năng viết chuyên ngành; - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo;		

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
				- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp trong công tác quản trị.		
				* Về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp - Có phẩm chất chính trị - đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị và có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động nghề nghiệp của ngành, chuyên ngành; - Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, làm việc khoa học.		
				* Về khả năng hội nhập - Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản, phối hợp phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động nhóm; - Sử dụng lưu loát các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong các vấn đề chuyên môn và một vài vấn đề xã hội; đạt chứng chỉ IELTS 5.0 hoặc tương đương;		
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			Tương tự ngành CNTT		
IV	Chương trình			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương		

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học					Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
				Chính quy						
đào tạo mà nhà trường thực hiện				TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ				
						Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn		
				1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12		
				1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9		
				1.2.	Ngoại ngữ	18	18			
				1.3.	Chính trị	11	11			
				1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3		
				2.	NGÀNH	71	56	15		
				2.1.	Cơ sở ngành	23	23			
				2.2.	Cốt lõi ngành	33	33			
				2.3.	Chuyên ngành	15		15		
				3.	TỐT NGHIỆP	6		6		
					TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	97	33		
				4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45		
				4.1.	Song ngành	30		30		
				4.2.	Ngành phụ	15		15		

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghịệp			- Nhân viên trong các bộ phận kinh doanh, Marketing, Truyền thông - Quảng cáo, Hành chính, Nhân Sự, Logistics của các công ty trong nước và doanh nghiệp nước ngoài; - Chuyên viên phân tích kinh doanh và quản trị rủi ro cho doanh nghiệp; - Nhân viên các bộ phận kinh doanh, marketing, hành chính, nhân sự, truyền thông, quảng cáo, logistics trong các công ty, tổ chức, tập đoàn đa quốc gia, doanh nghiệp tư nhân; - Làm chủ cơ sở kinh doanh hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp.		

5. Ngành Luật (7380101)

ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính h quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT		
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			Mã CDR I. Kiến thức cơ bản PLO-1. Sinh viên có kiến thức cơ bản về giáo dục tổng quát, bao gồm kiến thức và kỹ năng giáo dục khai phóng, lý luận chính trị. PLO-2. Sinh viên có lối tư duy logic để có thể áp dụng những quy định pháp luật trong thực tiễn hoặc có lý luận logic để lý giải những vấn đề mới nảy sinh. PLO-3. Sinh viên có kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật; phân biệt được các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. II. Kiến thức nghề nghiệp PLO-4. Sinh viên hiểu, áp dụng và phân tích được những tính huống pháp luật trong một số lĩnh vực như hình sự, dân sự, lao động, đất đai, hành chính... PLO-5. Sinh viên có kiến thức cơ bản về những quy định, tập quán quốc tế trong lĩnh vực công pháp, tư pháp; PLO-6. Sinh viên áp dụng được các thủ tục tố tụng trong hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng hình sự; PLO-7. Sinh viên hiểu và vận dụng được quy định pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành liên quan như: hợp đồng, thừa kế, bộ máy nhà nước, tội phạm học, phân tích, thống kê và dự báo được tình hình tội phạm; PLO-8. Sinh viên hiểu và vận dụng được quy định pháp luật để tham gia, tư vấn, bảo chữa các vụ án hình sự, dân sự, hành chính; III. Kỹ năng cơ bản và nghề nghiệp		

ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính h quy
				PLO-9. Có kỹ năng mềm (như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian...) và các kỹ năng thực hành pháp luật cơ bản như kỹ năng giao tiếp với khách hàng, kỹ năng nói, viết và nghiên cứu pháp luật, kỹ năng phân tích án lệ, kỹ năng tư vấn, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng đàm phán hợp đồng thương mại, kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại, kinh doanh quốc tế...; PLO-10. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và sử dụng những thành tựu mới về khoa học pháp lý để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực pháp luật được đào tạo; có năng lực tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn thông thường và phức tạp, đột xuất; PLO-11. Có kỹ năng tư vấn pháp luật hoặc giải quyết các vụ việc có liên quan đến pháp luật về kinh tế, dân sự, hình sự, hành chính...; IV. Năng lực tự chủ và trách nhiệm PLO-12. Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống; PLO-13. Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống; PLO-14. Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gần gũi với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột... Có phẩm chất chính trị - đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân,		
				* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp - Có phẩm chất chính trị - đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị; có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động nghề nghiệp ngành, chuyên ngành;		

ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học																				
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy																		
				- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, làm việc khoa học - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực pháp luật, kinh tế đã được đào tạo; - Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp về pháp lý.																				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			Tương tự ngành CNTT																				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương <table><tr><th rowspan="2"></th><th rowspan="2">Khối kiến thức</th><th colspan="3">Số tín chỉ</th></tr><tr><th>Tổng cộng</th><th>Bắt buộc</th><th>Tự chọn</th></tr><tr><td>1.</td><td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td><td>53</td><td>41</td><td>12</td></tr><tr><td>1.1.</td><td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td><td>15</td><td>6</td><td>9</td></tr></table>		Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9		
	Khối kiến thức	Số tín chỉ																						
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																				
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12																				
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																				

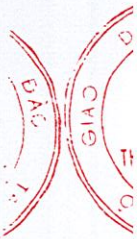
ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học					Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
				Chính quy						
				1.2.	Ngoại ngữ	18	18			
				1.3.	Chính trị	11	11			
				1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3		
				2.	NGÀNH	71	59	12		
				2.1.	Cơ sở ngành	18	18			
				2.2.	Cốt lõi ngành	41	41			
				2.3.	Thực tiễn nghề nghiệp (định hướng chuyên ngành)	12		12		
				3.	TỐT NGHIỆP	6		6		
					TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	100	30		
				4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45		
				4.1.	Song ngành	30		30		
				4.2.	Ngành phụ	15		15		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi			Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.						

ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
	ra trường					
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghệp			- Chuyên viên pháp lý: Làm việc ở các tổ chức kinh tế và tổ chức phi chính phủ với những công việc liên quan đến đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng; đề xuất giải pháp xử lý tình huống pháp lý trong kinh doanh. - Viên chức, công chức quản lý nhà nước: Phụ trách các công việc liên quan đến pháp luật và kinh tế trong các cơ quan nhà nước (các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp), trong các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội. - Thẩm phán, thư ký tòa án: Ứng tuyển công chức vào các tòa án để đảm nhiệm vị trí thư ký tòa án. Sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm xử lý sẽ được đề cử tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn và bổ nhiệm chức danh thẩm phán. Người được bổ nhiệm thẩm phán sẽ được nhân danh nhà nước tiến hành xét xử các vụ tranh chấp trong kinh doanh, thương mại, xét xử các tội phạm và quyết định các vấn đề khác thuộc lĩnh vực tư pháp. - Trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp lý: Làm việc tại các trung tâm tư vấn trong lĩnh vực kinh tế và pháp luật. - Luật sư: Điều kiện tiên quyết để trở thành luật sư là tốt nghiệp tối thiểu đại học ngành luật. Và sau khi trải qua một khóa nghiệp vụ luật sư và thời gian tập sự theo quy định, cử nhân luật có thể làm thủ tục xin cấp thẻ hành nghề luật sư. Nhờ đó, có thể tự mình tư vấn, đại diện, bào chữa cho đương sự, các doanh nghiệp tại các phiên tòa hoặc tại các cơ quan quản lý nhà nước. - Công chứng viên: Điều kiện tiên quyết để trở thành công chứng viên là tốt nghiệp tối thiểu đại học ngành luật, cộng với một khóa nghiệp vụ công chứng viên và trải qua thời gian tập sự 12 tháng, cử nhân luật có thể xin cấp thẻ hành nghề công chứng		

ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
				viên. Người trở thành công chứng viên có thể mở văn phòng công chứng hoặc hợp tác mở văn phòng công chứng để thực hiện các dịch vụ pháp lý theo quy định pháp luật. - Khởi nghiệp nghề luật: Sau khi tích lũy một số kinh nghiệm thực tiễn, người tốt nghiệp cử nhân luật có thể mở văn phòng luật sư, thành lập các công ty luật, hoặc công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn doanh nghiệp.		

6. Ngành Du lịch (7810101)

ST T	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT		
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ			* Kiến thức TT Nội dung chuẩn đầu ra PLO1 Giải thích được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội, tôn giáo, lịch sử, triết học và ngôn ngữ, quản trị trong khối ngành khoa học xã hội, dịch vụ và du lịch.		



ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
	năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			PLO2 Áp dụng được các kiến thức về văn hóa, du lịch, tâm lý, sự kiện để xác định nhu cầu của từng thị trường, đối tượng du khách khác nhau; thiết kế các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực du lịch phù hợp nhu cầu thị trường. PLO3 Phân tích, tổng hợp các vấn đề để đánh giá cho đúng thông qua các hoạt động trải nghiệm, thực hiện dự án, đề án môn học, thực tập; hướng tới các vị trí quản lý cấp trung sau tốt nghiệp. PLO4 Xử lý các vấn đề thực tế trong lĩnh vực du lịch, dựa trên tư duy phản biện và óc quan sát toàn diện. PLO5 Lập được kế hoạch chung và chi tiết, sáng tạo trong thiết kế; tổ chức triển khai các hoạt động du lịch của nhà hàng, khách sạn, lữ hành, sự kiện, các điểm vui chơi, các khu nghỉ dưỡng trung và cao cấp để phục vụ du khách. PLO6 Phát triển ý tưởng kinh doanh du lịch hoặc đưa ra giải pháp thị trường theo nhiều hình thức khác nhau, đưa ra được các dự đoán về xu hướng ngành và nghề nghiệp trong tương lai. PLO7 Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống. PLO8 Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.		

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
				PLO9 Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gắn thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...		
				* Kỹ năng - Biết cách chăm sóc sức khỏe và ngoại hình để xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp. Khả năng diễn đạt mạch lạc, giọng nói rõ ràng, ngôn ngữ chuẩn xác. Hợp tác, phối hợp tốt trong công việc, xây dựng mối quan hệ tích cực, bền vững với đồng nghiệp, khách hàng. Quản lý tốt cảm xúc, nhanh nhẹn trong giải quyết vấn đề. Biết cách kiểm soát những rủi ro phát sinh trong công việc. Biết quan sát và học hỏi để nâng cao khả năng cho bản thân. Có năng lực cập nhật các kiến thức, công nghệ mới. Có khả năng thích nghi với môi trường học tập, làm việc.		
				* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp Đạo đức và trách nhiệm khác: Sứ mệnh đào tạo mà Khoa đang hướng tới được gói gọn trong slogan của Khoa: Học - Đi - Trưởng thành. Đào tạo nên những người lành nghề, yêu nghề, có trách nhiệm với bản thân và với xã hội để trở thành công dân toàn cầu.		
				* Về khả năng hội nhập - Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản, phối hợp phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động nhóm. - Sử dụng lưu loát các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong các vấn đề chuyên môn và một vài vấn đề xã hội; đạt chứng chỉ IELTS 5.0 hoặc tương đương.		
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ			Tương tự ngành CNTT		

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học				Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy	
				Chính quy						
	học tập, sinh hoạt cho người học									
IV	Chươn g trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương						
				TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ				
						Tổng cộng	Bắt buộc			
				1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41			
				1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6			
				1.2	Ngoại ngữ	18	18			
				1.3	Chính trị	11	11			
				1.4	Thể chất và quốc phòng	9	6			
				2.	NGÀNH	71	50			
				2.1	Cơ sở ngành	24	24			
				2.2	Cốt lõi ngành	26	26			
				2.3	Chuyên ngành	21				

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học					Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
				Chính quy						
				3.	TỐT NGHIỆP	6		6		
					TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	91	39		
				4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45		
				4.1	Song ngành	30		30		
				4.2	Ngành phụ	15		15		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường				Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.					
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghề nghiệp				❖ Lĩnh vực nghề nghiệp - Cơ quan quản lý du lịch - Cơ sở kinh doanh du lịch - Đơn vị tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật, du lịch và sự kiện ❖ Vị trí nghề nghiệp					

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
				- Làm nhân viên và quản lý các bộ phận tại các cơ sở lưu trú, các nhà hàng hoặc cơ sở kinh doanh ẩm thực. - Làm việc tại bộ phận điều hành, hoặc hướng dẫn viên tại các doanh nghiệp lữ hành quốc tế và nội địa, hãng vận chuyển khách du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh về giải trí, tổ chức sự kiện. - Làm nhân viên và quản lý trong bộ phận cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho du khách trong các resorts hoặc khách sạn cao cấp, trong các trung tâm nghỉ dưỡng, các viện phục hồi sức khỏe... - Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và địa phương, trở thành chuyên viên, giảng viên tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch. - Làm việc ở bộ phận khác của các doanh nghiệp.		

7. Ngôn ngữ Anh (7220201)

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
I	Điều kiện đăng ký			Tương tự ngành CNTT		

				- Yêu nghề; có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm; sống trung thực, lành mạnh. Đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu chung.																																			
				* Về khả năng hội nhập - Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và văn bản, phối hợp phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động nhóm; - Sử dụng lưu loát các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong các vấn đề chuyên môn và một vài vấn đề xã hội; đạt chứng chỉ IELTS 6.0 hoặc tương đương;																																			
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			Tương tự ngành CNTT																																			
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương <table><tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Khối kiến thức</th><th colspan="3">Số tín chỉ</th></tr><tr><th>Tổng cộng</th><th>Bắt buộc</th><th>Tự chọn</th></tr><tr><td>1.</td><td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td><td>53</td><td>41</td><td>12</td></tr><tr><td>1.1.</td><td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td><td>15</td><td>6</td><td>9</td></tr><tr><td>1.2.</td><td>Ngoại ngữ</td><td>18</td><td>18</td><td></td></tr><tr><td>1.3.</td><td>Chính trị</td><td>11</td><td>11</td><td></td></tr><tr><td>1.4.</td><td>Thể chất và quốc phòng</td><td>9</td><td>6</td><td>3</td></tr></table>	TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		1.3.	Chính trị	11	11		1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3		
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																					
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																			
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12																																			
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																			
1.2.	Ngoại ngữ	18	18																																				
1.3.	Chính trị	11	11																																				
1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3																																			

				2. NGÀNH 2.1. Cơ sở ngành 2.2. Cốt lõi ngành 2.3. Chuyên ngành 3. TỐT NGHIỆP TỔNG SỐ TÍN CHỈ 4. TÙY CHỌN MỞ RỘNG 4.1. Song ngành 4.2. Ngành phụ	71 27 23 21 6 130 45 30 15	50 27 23 91 	21 21 6 39 45 30 15
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.			
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			❖ Lĩnh vực nghề nghiệp - Giáo dục - Kinh doanh - Nhà hàng- Khách sạn ❖ Vị trí nghề nghiệp - Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng khách sạn;			



				- Giáo viên giảng dạy và nghiên cứu, trợ giảng tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ, gia sư tiếng Anh tại nhà; - Tư vấn tại trung tâm ngoại ngữ, trung tâm hỗ trợ dịch vụ du học, đại học quốc tế; - Biên dịch viên, phiên dịch viên trong các doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; - Nhân viên tại văn phòng đại diện của các tập đoàn/ công ty nước ngoài tại Việt Nam; - Thư ký, trợ lý trong các công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia; - Hoặc sinh viên có thể tiếp tục học ở các bậc học cao hơn.		
--	--	--	--	---	--	--

8. Đông phương học - Hàn Quốc (7310608)

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT		
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng,			* Kiến thức và kỹ năng TT Nội dung chuẩn đầu ra PLO1 Nắm vững và hiểu biết những tri thức cơ bản về KHXH&NV kinh tế, xã hội, tôn giáo, bản sắc, lịch sử, triết học và ngôn ngữ, dịch vụ, quan hệ quốc tế, kinh doanh.		

thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được		PLO2 Áp dụng kiến thức khu vực học một cách có hệ thống, khả năng hiểu và diễn đạt vận dụng tiếng Hàn, am hiểu sâu rõ về văn hóa Hàn Quốc làm cơ sở cho việc nghiên cứu đất nước, con người Hàn Quốc. PLO3 Phân tích và tổng hợp chuyên sâu các vấn đề về ngôn ngữ, văn hóa, biên-piên dịch thông qua các hoạt động thực nghiệm thực hiện dự án, đề án môn học, thực tập để đánh giá một cách khách quan. PLO4 Giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ, dựa trên tư duy phản biện và sự quan sát toàn diện. PLO5 Có khả năng nghiên cứu phương pháp giảng dạy học, hiểu biết chung về tâm lý học, soạn giáo án, xây dựng kế hoạch từ đó định hướng được nghề nghiệp trong tương lai. PLO6 Biết giải quyết linh hoạt các vấn đề dưới nhiều hình thức đa dạng; nhằm vận dụng kiến thức đã học vào trong tương lai, có xu hướng và dự đoán thời đại. PLO7 Tạo thói quen tư duy đa chiều, học vấn và sáng tạo; tự học; nâng cao năng lực ngôn ngữ Việt - Hàn và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống. PLO8 Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, tinh thần đồng đội và quan hệ xã hội: văn hóa, dân tộc, giới tính, giá trị, niềm tin, v.v. có hành động và hành vi phù hợp trong nhiều tình huống khác nhau trong cuộc sống và công việc. PLO9 Có thói quen cân nhắc và xem xét khía cạnh đạo đức của hành động, hành vi và quyết định của cá nhân. Quan tâm, sẵn sàng tham gia vào các vấn đề lớn, liên tục của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, nghèo đói, xung đột.		
		* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp - Luôn giữ được tinh thần tích cực và thái độ làm việc có trách nhiệm, có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi môi trường làm việc; - Vận dụng kiến thức và kỹ năng để phục vụ lợi ích cộng đồng xã hội; - Luôn tâm huyết với nghề, trung thực, cuộc sống lành mạnh;		
		* Về khả năng hội nhập và học tập suốt đời - Có năng lực tự tin giao tiếp công việc hiệu quả, tích cực chủ động phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động đoàn thể;		

				- Có khả năng đạt chứng chỉ tiếng Hàn quốc tế Topik cấp 3 trở lên;																																																							
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			Tương tự ngành CNTT																																																							
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương <table><tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Khối kiến thức</th><th colspan="3">Số tín chỉ</th></tr><tr><th>Tổng cộng</th><th>Bắt buộc</th><th>Tự chọn</th></tr><tr><td>1.</td><td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td><td>53</td><td>41</td><td>12</td></tr><tr><td>1.1.</td><td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td><td>15</td><td>6</td><td>9</td></tr><tr><td>1.2.</td><td>Ngoại ngữ</td><td>18</td><td>18</td><td></td></tr><tr><td>1.3.</td><td>Chính trị</td><td>11</td><td>11</td><td></td></tr><tr><td>1.4.</td><td>Thể chất và quốc phòng</td><td>9</td><td>6</td><td>3</td></tr><tr><td>2.</td><td>NGÀNH</td><td>71</td><td>65</td><td>6</td></tr><tr><td>2.1.</td><td>Cơ sở ngành</td><td>15</td><td>15</td><td></td></tr><tr><td>2.2.</td><td>Cốt lõi ngành</td><td>24</td><td>24</td><td></td></tr><tr><td>2.3.</td><td>Chuyên ngành</td><td>26</td><td>26</td><td></td></tr></table>	TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		1.3.	Chính trị	11	11		1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3	2.	NGÀNH	71	65	6	2.1.	Cơ sở ngành	15	15		2.2.	Cốt lõi ngành	24	24		2.3.	Chuyên ngành	26	26			
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																									
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																							
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12																																																							
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																							
1.2.	Ngoại ngữ	18	18																																																								
1.3.	Chính trị	11	11																																																								
1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3																																																							
2.	NGÀNH	71	65	6																																																							
2.1.	Cơ sở ngành	15	15																																																								
2.2.	Cốt lõi ngành	24	24																																																								
2.3.	Chuyên ngành	26	26																																																								

				2.4.	Lựa chọn liên ngành	6		6		
				3.	TỐT NGHIỆP	6		6		
					TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	106	24		
				4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45		
				4.1.	Song ngành	30		30		
				4.2.	Ngành phụ	15		15		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường				Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.					
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp				❖ Lĩnh vực nghề nghiệp - Giáo dục – đào tạo - Thương mại – dịch vụ - Truyền thông - Cơ quan nhà nước - Tổ chức phi chính phủ ❖ Vị trí nghề nghiệp - Chuyên viên, trợ giảng, giáo viên giảng dạy tiếng Hàn tại các cơ sở giáo dục như trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ, trường cấp 2, 3.					

				- Quản lý, trợ lý, chuyên viên, nhân viên, tiếp viên hàng không, hướng dẫn viên tại những doanh nghiệp Hàn Quốc, doanh nghiệp Việt Nam, nhà hàng, khách sạn, sân bay. - Nhân viên dịch thuật, quản lý nội dung, phát thanh viên cho toà soạn báo, đài truyền hình, công ty truyền thông. - Chuyên viên, nhân viên tại đại sứ quán, lãnh sự quán, sở ngoại vụ, bộ ngoại giao, viện nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ. - Chuyên viên, nhân viên tại các tổ chức như Koica, Kocham, Quỹ giao lưu hợp tác quốc tế, hội hữu nghị. - Học cao học: Đủ điều kiện đăng ký nhập học hoặc xin học bổng chương trình đào tạo Thạc sĩ tại Hàn Quốc với những chuyên ngành tổng hợp liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, lịch sử, chính trị, xã hội. Giáo viên giảng dạy các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ; - Đủ khả năng du học nâng cao chuyên môn hoặc học vị chuyên ngành.		
--	--	--	--	--	--	--

			PLO8 Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống. PLO9 Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gần gũi với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột.		
			* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp - Luôn giữ được tinh thần tích cực và thái độ làm việc có trách nhiệm, có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi môi trường làm việc; Vận dụng kiến thức và kỹ năng để phục vụ lợi ích cộng đồng xã hội; Luôn tâm huyết với nghề, trung thực, cuộc sống lành mạnh;		
			* Về khả năng hội nhập - Có năng lực tự tin giao tiếp công việc hiệu quả, tích cực chủ động phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động đoàn thể;		
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		Tương tự ngành CNTT		
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương		

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9
1.2.	Ngoại ngữ	18	18	
1.3.	Chính trị	11	11	
1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3
2.	NGÀNH	71	65	6
2.1.	Cơ sở ngành	15	15	
2.2.	Cốt lõi ngành	27	27	
2.3.	Chuyên ngành	23	23	
2.4.	Lựa chọn liên ngành	6		6
3.	TỐT NGHIỆP	6		6
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	106	24
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45
4.1.	Song ngành	30		30
4.2.	Ngành phụ	15		15
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi	Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.		



	ra trường				
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			❖ Lĩnh vực nghề nghiệp - Thương mại – dịch vụ; - Nhà hàng - khách sạn; - Truyền thông - báo chí; - Tổ chức chính phủ - phi chính phủ. ❖ Vị trí nghề nghiệp - Phiên dịch viên, nhân viên văn phòng, trợ lý... các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; - Dịch thuật cho các nhà xuất bản, trung tâm phát hành sách báo, phim ảnh, truyền thông; - Hướng dẫn viên du lịch quốc tế, nhân viên quản lý, điều hành... tại các công ty kinh doanh dịch vụ lữ hành; - Giáo viên giảng dạy tiếng Trung cho các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ; - Đủ khả năng du học nâng cao chuyên môn hoặc học vị thạc sĩ trong nước hoặc nước ngoài.	

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT		
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			* Kiến thức và kỹ năng TT Nội dung chuẩn đầu ra PLO1 Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ sở Ngành, như toán cho học máy và AI, thuật toán và cấu trúc dữ liệu, ngôn ngữ và kỹ thuật lập trình, cơ sở dữ liệu, lập trình ứng dụng trên các nền tảng, thu thập và xử lý dữ liệu, chuyển đổi số và xu hướng công nghệ. PLO2 Thực hiện được các công việc trong quá trình phát triển dự án AI, tham gia hiệu quả vào các nhóm dự án. PLO3 Có khả năng đề xuất mô hình, giải pháp AI cho các bài toán thực tế; phân tích thiết kế, phát triển, triển khai vận hành, đảm bảo an toàn thông tin, và bảo trì các hệ thống thông minh. PLO4 Có thể lập trình với các ngôn ngữ lập trình phổ biến và nền tảng AI ví dụ như Python, Java, C#/.NET; các nền tảng AI, web/mobile, và IoT. PLO5 Sử dụng được các công nghệ hiện đại (học máy, học sâu, thị giác máy tính, xử lý ngôn ngữ tự nhiên,...) để phát triển những hệ thống ứng dụng thông minh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. PLO6 Thái độ và đạo đức nghề nghiệp		

				Liên thu các quy tắc đạo đức và hành vi chuyên nghiệp để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin/AI. Về khả năng hội nhập và học tập suốt đời Có khả năng học tập suốt đời thông qua tự học, tự nghiên cứu, để bổ sung kiến thức và kỹ năng tiên tiến trong lĩnh vực AI và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. PLO7 Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống. PLO8 Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống. PLO9 Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gắn kết với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...		
				* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp - Luôn giữ được tinh thần tích cực và thái độ làm việc có trách nhiệm, có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi môi trường làm việc; Vận dụng kiến thức và kỹ năng để phục vụ lợi ích cộng đồng xã hội; Luôn tâm huyết với nghề, trung thực, cuộc sống lành mạnh;		
				* Về khả năng hội nhập - Có năng lực tự tin giao tiếp công việc hiệu quả, tích cực chủ động phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động đoàn thể;		
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho			Tương tự ngành CNTT		

	người học																																																																																												
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương																																																																																									
		<table><tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Khối kiến thức</th><th colspan="3">Số tín chỉ</th></tr><tr><th>Tổng cộng</th><th>Bắt buộc</th><th>Tự chọn</th></tr><tr><td>1.</td><td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td><td>53</td><td>41</td><td>12</td></tr><tr><td>1.1.</td><td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td><td>15</td><td>6</td><td>9</td></tr><tr><td>1.2.</td><td>Ngoại ngữ</td><td>18</td><td>18</td><td></td></tr><tr><td>1.3.</td><td>Chính trị</td><td>11</td><td>11</td><td></td></tr><tr><td>1.4.</td><td>Thể chất và quốc phòng</td><td>9</td><td>6</td><td>3</td></tr><tr><td>2.</td><td>NGÀNH</td><td>71</td><td>65</td><td>6</td></tr><tr><td>2.1.</td><td>Cơ sở ngành</td><td>24</td><td>24</td><td></td></tr><tr><td>2.2.</td><td>Cốt lõi ngành</td><td>29</td><td>29</td><td></td></tr><tr><td>2.3.</td><td>Chuyên ngành</td><td>12</td><td>12</td><td></td></tr><tr><td>2.4.</td><td>Lựa chọn liên ngành</td><td>6</td><td></td><td>6</td></tr><tr><td>3.</td><td>TỐT NGHIỆP</td><td>6</td><td></td><td>6</td></tr><tr><td></td><td>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</td><td>130</td><td>106</td><td>24</td></tr><tr><td colspan="5"></td></tr><tr><td>4.</td><td>TÙY CHỌN MỞ RỘNG</td><td>45</td><td></td><td>45</td></tr><tr><td>4.1.</td><td>Song ngành</td><td>30</td><td></td><td>30</td></tr><tr><td>4.2.</td><td>Ngành phụ</td><td>15</td><td></td><td>15</td></tr></table>				TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		1.3.	Chính trị	11	11		1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3	2.	NGÀNH	71	65	6	2.1.	Cơ sở ngành	24	24		2.2.	Cốt lõi ngành	29	29		2.3.	Chuyên ngành	12	12		2.4.	Lựa chọn liên ngành	6		6	3.	TỐT NGHIỆP	6		6		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	106	24						4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45	4.1.	Song ngành	30		30	4.2.	Ngành phụ	15		15
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																																																											
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																																																									
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12																																																																																									
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																																																									
1.2.	Ngoại ngữ	18	18																																																																																										
1.3.	Chính trị	11	11																																																																																										
1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3																																																																																									
2.	NGÀNH	71	65	6																																																																																									
2.1.	Cơ sở ngành	24	24																																																																																										
2.2.	Cốt lõi ngành	29	29																																																																																										
2.3.	Chuyên ngành	12	12																																																																																										
2.4.	Lựa chọn liên ngành	6		6																																																																																									
3.	TỐT NGHIỆP	6		6																																																																																									
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	106	24																																																																																									
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45																																																																																									
4.1.	Song ngành	30		30																																																																																									
4.2.	Ngành phụ	15		15																																																																																									

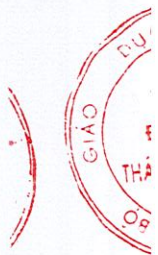
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			❖ Lĩnh vực nghề nghiệp - Chuyển đổi số - Công nghiệp phần mềm - Tư vấn xây dựng hệ thống thông minh - Kinh doanh sản phẩm phần mềm và AI - Dịch vụ phần mềm và CNTT - Dịch vụ giáo dục - Các lĩnh vực ứng dụng AI - Các lĩnh vực quản lý và xử lý dữ liệu ❖ Vị trí nghề nghiệp - Kỹ sư phát triển dự án AI - Kiến trúc sư AI - Kỹ sư dữ liệu - Chuyên viên phân tích dữ liệu - Kỹ sư phát triển phần mềm - Chuyên viên nghiên cứu phát triển các giải pháp AI, IoT - Chuyên viên đào tạo, huấn luyện CNTT - Các vị trí quản lý như Giám đốc chuyển đổi số - Tư vấn, triển khai các giải pháp chuyển đổi số - Khởi nghiệp với các dự án CNTT - Chuyên viên nghiên cứu AI		

11. Quản trị khách sạn (7810201)

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học			
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy	
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT			
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ			* Kiến thức và kỹ năng			
				TT			Nội dung chuẩn đầu ra
				PLO1			Giải thích được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội, tôn giáo, lịch sử, triết học và ngôn ngữ quản trị trong khối ngành khoa học xã hội, dịch vụ và du lịch.
				PLO2			Áp dụng được các kiến thức về văn hóa, du lịch, tâm lý, sự kiện để xác định nhu cầu của thị trường, đối tượng du khách khác nhau; thiết kế các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực phù hợp nhu cầu thị trường.
				PLO3			Phân tích, tổng hợp các vấn đề để đánh giá vấn đề cho đúng thông qua các hoạt động trải nghiệm thực hiện dự án, đề án môn học, thực tập; hướng tới các vị trí quản lý cấp trung sau tốt nghiệp.
				PLO4			Xử lý các vấn đề thực tế trong lĩnh vực du lịch, dựa trên tư duy phản biện và thói quen quản lý toàn diện.

	đạt được		PLO5	Lập kế hoạch chung và chi tiết, sáng tạo trong thiết kế; tổ chức triển khai các hoạt động du lịch của nhà hàng, khách sạn, lễ hành, sự kiện, các điểm vui chơi, các khu nghỉ dưỡng trung và cao cấp để phục vụ du khách.		
			PLO6	Phát triển ý tưởng kinh doanh du lịch hoặc đưa ra giải pháp thị trường theo nhiều hình thức khác nhau, đưa ra được các dự đoán về xu hướng ngành và nghề nghiệp trong tương lai.		
			PLO7	Có thói quen tự duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống.		
			PLO8	Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.		
			PLO9	Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gắn kết với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...		
			* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp - Luôn giữ được tinh thần tích cực và thái độ làm việc có trách nhiệm, có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi môi trường làm việc; Vận dụng kiến thức và kỹ năng để phục vụ lợi ích cộng đồng xã hội; Luôn tâm huyết với nghề, trung thực, cuộc sống lành mạnh;			
			* Về khả năng hội nhập - Có năng lực tự tin giao tiếp công việc hiệu quả, tích cực chủ động phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động đoàn thể;			
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho		Tương tự ngành CNTT			

	người học																																																																																		
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương <table><tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Khối kiến thức</th><th colspan="3">Số tín chỉ</th></tr><tr><th>Tổng cộng</th><th>Bắt buộc</th><th>Tự chọn</th></tr><tr><td>1.</td><td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td><td>53</td><td>23</td><td>30</td></tr><tr><td>1.1</td><td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td><td>15</td><td>6</td><td>9</td></tr><tr><td>1.2</td><td>Ngoại ngữ</td><td>18</td><td></td><td>18</td></tr><tr><td>1.3</td><td>Chính trị</td><td>11</td><td>11</td><td></td></tr><tr><td>1.4</td><td>Thế chất và quốc phòng</td><td>9</td><td>6</td><td>3</td></tr><tr><td>2.</td><td>NGÀNH</td><td>71</td><td>59</td><td>12</td></tr><tr><td>2.1</td><td>Cơ sở ngành</td><td>24</td><td>24</td><td></td></tr><tr><td>2.2</td><td>Cốt lõi ngành</td><td>26</td><td>26</td><td></td></tr><tr><td>2.3</td><td>Chuyên ngành</td><td>21</td><td>9</td><td>12</td></tr><tr><td>3.</td><td>TỐT NGHIỆP</td><td>6</td><td></td><td>6</td></tr><tr><td></td><td>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</td><td>130</td><td>82</td><td>48</td></tr><tr><td>4.</td><td>TÙY CHỌN MỞ RỘNG</td><td>45</td><td></td><td>45</td></tr><tr><td>4.1</td><td>Song ngành</td><td>30</td><td></td><td>30</td></tr><tr><td>4.2</td><td>Ngành phụ</td><td>15</td><td></td><td>15</td></tr></table>	TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	23	30	1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2	Ngoại ngữ	18		18	1.3	Chính trị	11	11		1.4	Thế chất và quốc phòng	9	6	3	2.	NGÀNH	71	59	12	2.1	Cơ sở ngành	24	24		2.2	Cốt lõi ngành	26	26		2.3	Chuyên ngành	21	9	12	3.	TỐT NGHIỆP	6		6		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	82	48	4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45	4.1	Song ngành	30		30	4.2	Ngành phụ	15		15		
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																																																	
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																																															
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	23	30																																																																															
1.1	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																																															
1.2	Ngoại ngữ	18		18																																																																															
1.3	Chính trị	11	11																																																																																
1.4	Thế chất và quốc phòng	9	6	3																																																																															
2.	NGÀNH	71	59	12																																																																															
2.1	Cơ sở ngành	24	24																																																																																
2.2	Cốt lõi ngành	26	26																																																																																
2.3	Chuyên ngành	21	9	12																																																																															
3.	TỐT NGHIỆP	6		6																																																																															
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	82	48																																																																															
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45																																																																															
4.1	Song ngành	30		30																																																																															
4.2	Ngành phụ	15		15																																																																															
V	Khả năng học		Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.																																																																																



	lập, nâng cao trình độ sau khi ra trường				
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			❖ Lĩnh vực nghề nghiệp - Cơ quan quản lý du lịch - Cơ sở kinh doanh du lịch - Đơn vị tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật, du lịch và sự kiện ❖ Vị trí nghề nghiệp - Làm nhân viên và quản lý các bộ phận tại các cơ sở lưu trú, các nhà hàng hoặc cơ sở kinh doanh ẩm thực. - Làm việc tại bộ phận điều hành, hoặc hướng dẫn viên tại các doanh nghiệp lữ hành quốc tế và nội địa, hãng vận chuyển khách du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh về giải trí, tổ chức sự kiện. - Làm nhân viên và quản lý trong bộ phận cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho du khách trong các resorts hoặc khách sạn cao cấp, trong các trung tâm nghỉ dưỡng, các viện phục hồi sức khỏe... - Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và địa phương, trở thành chuyên viên, giảng viên tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch. - Làm việc ở bộ phận khác của các doanh nghiệp.	

12. Marketing (7340115)

					Đại học
--	--	--	--	--	---------

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy												
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT														
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			* Kiến thức và kỹ năng <table><tr><th>TT</th><th>Nội dung chuẩn đầu ra</th></tr><tr><td>PLO1</td><td>Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên để giải thích, phân tích các vấn đề kinh tế.</td></tr><tr><td>PLO2</td><td>Sinh viên vận dụng được những kiến thức kinh tế và quản lý để giải quyết các vấn đề trong quá trình tham gia thực hiện và điều hành hoạt động marketing của doanh nghiệp.</td></tr><tr><td>PLO3</td><td>Sinh viên có khả năng phát triển các kiến thức chuyên sâu để thực hiện các hoạt động marketing trong các loại hình doanh nghiệp</td></tr><tr><td>PLO4</td><td>Sinh viên có kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ cần thiết để đáp ứng yêu cầu vị trí nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập.</td></tr><tr><td>PLO5</td><td>Sinh viên phát huy năng lực và phẩm chất cá nhân, có trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần học tập suốt đời.</td></tr></table>	TT	Nội dung chuẩn đầu ra	PLO1	Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên để giải thích, phân tích các vấn đề kinh tế.	PLO2	Sinh viên vận dụng được những kiến thức kinh tế và quản lý để giải quyết các vấn đề trong quá trình tham gia thực hiện và điều hành hoạt động marketing của doanh nghiệp.	PLO3	Sinh viên có khả năng phát triển các kiến thức chuyên sâu để thực hiện các hoạt động marketing trong các loại hình doanh nghiệp	PLO4	Sinh viên có kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ cần thiết để đáp ứng yêu cầu vị trí nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập.	PLO5	Sinh viên phát huy năng lực và phẩm chất cá nhân, có trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần học tập suốt đời.		
		TT	Nội dung chuẩn đầu ra															
		PLO1	Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên để giải thích, phân tích các vấn đề kinh tế.															
		PLO2	Sinh viên vận dụng được những kiến thức kinh tế và quản lý để giải quyết các vấn đề trong quá trình tham gia thực hiện và điều hành hoạt động marketing của doanh nghiệp.															
		PLO3	Sinh viên có khả năng phát triển các kiến thức chuyên sâu để thực hiện các hoạt động marketing trong các loại hình doanh nghiệp															
PLO4	Sinh viên có kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ cần thiết để đáp ứng yêu cầu vị trí nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập.																	
PLO5	Sinh viên phát huy năng lực và phẩm chất cá nhân, có trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần học tập suốt đời.																	
			* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp - Luôn giữ được tinh thần tích cực và thái độ làm việc có trách nhiệm, có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi môi trường làm việc; Vận dụng kiến thức và kỹ năng để phục vụ lợi ích cộng đồng xã hội; Luôn tâm huyết với nghề, trung thực, cuộc sống lành mạnh;															
			* Về khả năng hội nhập - Có năng lực tự tin giao tiếp công việc hiệu quả, tích cực chủ động phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động đoàn thể;															

III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		Tương tự ngành CNTT																																																																	
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương <table><tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Khối kiến thức</th><th colspan="3">Số tín chỉ</th></tr><tr><th>Tổng cộng</th><th>Bắt buộc</th><th>Tự chọn</th></tr><tr><td>1.</td><td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td><td>53</td><td>41</td><td>12</td></tr><tr><td>1.1.</td><td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td><td>15</td><td>6</td><td>9</td></tr><tr><td>1.2.</td><td>Ngoại ngữ</td><td>18</td><td>18</td><td></td></tr><tr><td>1.3.</td><td>Chính trị</td><td>11</td><td>11</td><td></td></tr><tr><td>1.4.</td><td>Thế chất và quốc phòng</td><td>9</td><td>6</td><td>3</td></tr><tr><td>2.</td><td>NGÀNH</td><td>71</td><td>56</td><td>15</td></tr><tr><td>2.1.</td><td>Cơ sở ngành</td><td>23</td><td>23</td><td></td></tr><tr><td>2.2.</td><td>Cốt lõi ngành</td><td>33</td><td>33</td><td></td></tr><tr><td>2.3.</td><td>Chuyên ngành</td><td>15</td><td></td><td>15</td></tr><tr><td>3.</td><td>TỐT NGHIỆP</td><td>6</td><td></td><td>6</td></tr><tr><td></td><td>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</td><td>130</td><td>97</td><td>33</td></tr></table>	TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		1.3.	Chính trị	11	11		1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3	2.	NGÀNH	71	56	15	2.1.	Cơ sở ngành	23	23		2.2.	Cốt lõi ngành	33	33		2.3.	Chuyên ngành	15		15	3.	TỐT NGHIỆP	6		6		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	97	33		
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																																		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																																																
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12																																																																
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																																
1.2.	Ngoại ngữ	18	18																																																																	
1.3.	Chính trị	11	11																																																																	
1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3																																																																
2.	NGÀNH	71	56	15																																																																
2.1.	Cơ sở ngành	23	23																																																																	
2.2.	Cốt lõi ngành	33	33																																																																	
2.3.	Chuyên ngành	15		15																																																																
3.	TỐT NGHIỆP	6		6																																																																
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	97	33																																																																

																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			</
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----

				kenn online hoặc offline, chuyên viên kiểm soát và đo lường mức độ tương tác của thương hiệu trên thị trường. Sau 1 – 2 năm trở thành Giám đốc thương hiệu. - Quan hệ công chúng: chuyên viên quan hệ báo chí, chuyên viên quan hệ cộng đồng, chuyên viên tổ chức sự kiện, chuyên viên phân tích và tư vấn quan hệ công chúng. Sau 1 – 2 năm trở thành Giám đốc quan hệ công chúng. - Marketing trực tiếp: chuyên viên điều phối tự động hóa, chuyên viên SEO, chuyên viên quản lý truyền thông xã hội, chuyên viên SEM... Sau 1 – 2 năm trở thành Giám đốc Digital marketing. - Chuyên viên nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực marketing, giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp về marketing. - Khởi nghiệp trong việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực marketing cho các doanh nghiệp và tổ chức.		
--	--	--	--	--	--	--

13. Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (7510605)

ST T	Nội dung	Tiế n sĩ	Thạ c sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chín h quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			Tương tự ngành CNTT		
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ			* Kiến thức và kỹ năng		
				TT	Nội dung chuẩn đầu ra	
				PLO1	Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng về tự nhiên, xã hội và con người để phục vụ cho sự phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân	

	tương, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được		PLO2	Sinh viên có khả năng đánh giá và nhận định sự đa dạng trong kinh doanh và môi trường quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu, phân tích và thiết kế hệ thống hậu cần trong nước và quốc tế.					
			PLO3	Sinh viên ứng dụng các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về logistics và quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm lập kế hoạch nhu cầu, mua hàng, kiểm soát hàng tồn kho, xử lý vật liệu, vận chuyển, kho bãi, đóng gói, sản phẩm và hỗ trợ dịch vụ và chiến lược chuỗi cung ứng.					
			PLO4	Trang bị cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có thể thích ứng nhanh với sự thay đổi và phát triển của khoa học công nghệ.					
			PLO5	Sinh viên có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc.					
			* Thái độ và đạo đức nghề nghiệp - Luôn giữ được tinh thần tích cực và thái độ làm việc có trách nhiệm, có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi môi trường làm việc; Vận dụng kiến thức và kỹ năng để phục vụ lợi ích cộng đồng xã hội; Luôn tâm huyết với nghề, trung thực, cuộc sống lành mạnh;						
			* Về khả năng hội nhập - Có năng lực tự tin giao tiếp công việc hiệu quả, tích cực chủ động phát huy điểm mạnh của cá nhân trong các hoạt động đoàn thể;						
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		Tương tự ngành CNTT						

IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện				<table><tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Khối kiến thức</th><th colspan="3">Số tín chỉ</th></tr><tr><th>Tổng cộng</th><th>Bắt buộc</th><th>Tự chọn</th></tr><tr><td>1.</td><td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td><td>53</td><td>41</td><td>12</td></tr><tr><td>1.1.</td><td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td><td>15</td><td>6</td><td>9</td></tr><tr><td>1.2.</td><td>Ngoại ngữ</td><td>18</td><td>18</td><td></td></tr><tr><td>1.3.</td><td>Chính trị</td><td>11</td><td>11</td><td></td></tr><tr><td>1.4.</td><td>Thế chất và quốc phòng</td><td>9</td><td>6</td><td>3</td></tr><tr><td>2.</td><td>NGÀNH</td><td>71</td><td>56</td><td>15</td></tr><tr><td>2.1.</td><td>Cơ sở ngành</td><td>23</td><td>23</td><td></td></tr><tr><td>2.2.</td><td>Cốt lõi ngành</td><td>33</td><td>33</td><td></td></tr><tr><td>2.3.</td><td>Chuyên ngành</td><td>15</td><td></td><td>15</td></tr><tr><td>3.</td><td>TỐT NGHIỆP</td><td>6</td><td></td><td>6</td></tr><tr><td></td><td>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</td><td>130</td><td>97</td><td>33</td></tr><tr><td colspan="5"></td></tr><tr><td>4.</td><td>TÙY CHỌN MỞ RỘNG</td><td>45</td><td></td><td>45</td></tr><tr><td>4.1.</td><td>Song ngành</td><td>30</td><td></td><td>30</td></tr><tr><td>4.2.</td><td>Ngành phụ</td><td>15</td><td></td><td>15</td></tr></table>	TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		1.3.	Chính trị	11	11		1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3	2.	NGÀNH	71	56	15	2.1.	Cơ sở ngành	23	23		2.2.	Cốt lõi ngành	33	33		2.3.	Chuyên ngành	15		15	3.	TỐT NGHIỆP	6		6		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	97	33						4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45	4.1.	Song ngành	30		30	4.2.	Ngành phụ	15		15		
					TT			Khối kiến thức	Số tín chỉ																																																																																	
						Tổng cộng	Bắt buộc		Tự chọn																																																																																	
					1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12																																																																																	
					1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																																																																	
					1.2.	Ngoại ngữ	18	18																																																																																		
					1.3.	Chính trị	11	11																																																																																		
					1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3																																																																																	
					2.	NGÀNH	71	56	15																																																																																	
					2.1.	Cơ sở ngành	23	23																																																																																		
					2.2.	Cốt lõi ngành	33	33																																																																																		
					2.3.	Chuyên ngành	15		15																																																																																	
					3.	TỐT NGHIỆP	6		6																																																																																	
						TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	97	33																																																																																	
					4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45																																																																																	
					4.1.	Song ngành	30		30																																																																																	
4.2.	Ngành phụ	15		15																																																																																						
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ				Có khả năng học tập suốt đời thông qua hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. Học lên các cấp độ cao hơn.																																																																																					

	sau khi ra trường				
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghịệp			Sau khi tốt nghiệp Chương trình này, người học có thể làm việc trong môi trường kinh doanh toàn cầu với sự cạnh tranh cao, khả năng thích ứng với công việc nhanh chóng nhờ được trang bị khối kiến thức hợp lý cả cơ bản, cơ sở và chuyên ngành. Người tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có thể đảm nhận các vị trí: - Nhân viên trong các bộ phận kinh doanh, Marketing, Truyền thông - Quảng cáo, Hành chính, Nhân Sự, Logistics của các công ty trong nước và doanh nghiệp nước ngoài; - Chuyên viên phân tích kinh doanh và quản trị rủi ro cho doanh nghiệp; - Nhân viên các bộ phận kinh doanh, marketing, hành chính, nhân sự, truyền thông, quảng cáo, logistics trong các công ty, tổ chức, tập đoàn đa quốc gia, doanh nghiệp tư nhân; Làm chủ cơ sở kinh doanh hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp. - Chuyên viên nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực marketing, giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp về marketing. - Khởi nghiệp trong việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực marketing cho các doanh nghiệp và tổ chức.	

14. Ngành đào tạo Công nghệ thông tin (Kỹ sư) (7480201)

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo				
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy		
I	Điều kiện đăng ký			- Tốt nghiệp THPT trở lên và, - Điểm trúng tuyển theo tổ hợp điểm thi tốt nghiệp THPT theo năm tuyển sinh từ 14 điểm trở lên;	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo				
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
	tuyển sinh			- Điểm xét theo điều kiện học bạ (theo đề án tuyển sinh) từ 6.0 trở lên; - Điểm xét theo điều kiện học bạ từ 6.0 trở lên kèm 1 trong các thành tích đạt được theo quy định (theo đề án tuyển sinh).		
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			* Kiến thức: TT Nội dung chuẩn đầu ra PLO1 Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ sở ngành: thuật toán và cấu trúc dữ liệu, ngôn ngữ và kỹ thuật lập trình, cơ sở dữ liệu, các công nghệ web, mạng máy tính, và xu hướng công nghệ. PLO2 Thực hiện được các công việc và tham gia được vào quy trình phát triển dự án CNTT và có đủ kỹ năng mềm để tham gia hiệu quả vào các nhóm dự án. PLO3 Có khả năng phân tích thiết kế, phát triển, triển khai vận hành, đảm bảo an toàn thông tin, và bảo trì các hệ thống CNTT. PLO4 Có thể lập trình với các ngôn ngữ lập trình và nền tảng phát triển như: Java, C#/.NET, Python, nền tảng web/mobile, AI và IoT. PLO5 Sử dụng được các công nghệ hiện đại để phát triển những hệ thống ứng dụng thông minh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. PLO6 Thái độ và đạo đức nghề nghiệp Tuân thủ các quy tắc đạo đức và hành vi chuyên nghiệp để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Về khả năng hội nhập và học tập suốt đời Có khả năng học tập suốt đời thông qua tự học, tự nghiên cứu, để bổ sung kiến thức và kỹ năng tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp.		

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trình độ đào tạo		
				Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
				PLO7 Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống. PLO8 Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống. PLO9 Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dân thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...		
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			• Chính sách: - Chính sách miễn giảm, học bổng cho sinh viên như học bổng phát triển tài năng, học bổng vượt khó, học bổng vì công lý, học bổng khuyến học - Các quy chế, quy định như: quy chế sinh viên, quy tắc ứng xử cho sinh viên, quy định khen thưởng, kỷ luật; quy chế học tập, rèn luyện - Sinh viên được đánh giá rèn luyện, chuyên cần - Khuyến khích sinh viên tham gia Nghiên cứu khoa học với các hoạt động như tổ chức Hội thảo khoa học ở các Khoa cho sinh viên, ban hành quy định về công tác Nghiên cứu khoa học trong sinh viên. • Dịch vụ hỗ trợ: - Hỗ trợ giấy tờ cho sinh viên như xác nhận sinh viên, vay vốn, xe buýt... - Hướng dẫn, tư vấn, giới thiệu nhà trọ; nơi thực tập. - Tư vấn tâm lý, sức khoẻ cho sinh viên khi có nhu cầu - Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, thắc mắc trong học tập, đời sống sinh hoạt của sinh viên		

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo																																			
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy																													
				Chính quy																																	
				- Tổ chức gặp mặt sinh viên và ban giám hiệu hằng năm - Thông tin về lịch học, thi, chương trình của Nhà trường được thông báo qua nhiều kênh: bảng tin, email cá nhân, website, mạng xã hội... - Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các chương trình cho sinh viên như an toàn giao thông, lớp học kỹ năng, nghệ thuật... - Hỗ trợ kỹ năng học tập, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp qua các buổi talkshow, chuyên đề Hoạt động, sinh hoạt: - Hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động các Câu lạc bộ văn nghệ, học thuật cho sinh viên - Tổ chức văn nghệ, giao lưu học hỏi với các trường Đại học, Cao đẳng khác trong khu vực - Tổ chức các hoạt động phong trào: rung chuông vàng, hội trại truyền thống... - Tổ chức các hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng: mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi																																	
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương <table><tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Khối kiến thức</th><th colspan="3">Số tín chỉ</th></tr><tr><th>Tổng cộng</th><th>Bắt buộc</th><th>Tự chọn</th></tr><tr><td>1.</td><td>GIÁO DỤC TỔNG QUÁT</td><td>53</td><td>41</td><td>12</td></tr><tr><td>1.1.</td><td>Kiến thức và kỹ năng khai phóng</td><td>15</td><td>6</td><td>9</td></tr><tr><td>1.2.</td><td>Ngoại ngữ</td><td>18</td><td>18</td><td></td></tr><tr><td>1.3.</td><td>Chính trị</td><td>11</td><td>11</td><td></td></tr></table>				TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn	1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12	1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9	1.2.	Ngoại ngữ	18	18		1.3.	Chính trị	11	11			
TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ																																			
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn																																	
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12																																	
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9																																	
1.2.	Ngoại ngữ	18	18																																		
1.3.	Chính trị	11	11																																		

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo										
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học							Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
				Chính quy								
				1.4.	Thế chất và quốc phòng	9	6	3				
				2.	NGÀNH	95	71	24				
				2.1.	Cơ sở ngành	24	24					
				2.2.	Cốt lõi ngành	47	47					
				2.3.	Chuyên ngành	18		18				
				2.4.	Lựa chọn liên ngành	6		6				
				3.	TỐT NGHIỆP	12	12					
					TỔNG SỐ TÍN CHỈ	160	124	36				
				4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45				
				4.1.	Song ngành	30		30				
				4.2.	Ngành phụ	15		15				
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			Có khả năng học tập suốt đời thông qua tự học, tự nghiên cứu, để bổ sung kiến thức và kỹ năng tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp.								

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo				
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			❖ Lĩnh vực nghề nghiệp - Công nghiệp phần mềm - Tư vấn xây dựng hệ thống - Công nghiệp nội dung số - Kinh doanh sản phẩm phần mềm và CNTT - Dịch vụ phần mềm và CNTT - Hệ thống thông tin - Dịch vụ giáo dục - Các lĩnh vực ứng dụng phần mềm và CNTT - Các lĩnh vực xử lý dữ liệu ❖ Vị trí nghề nghiệp - Kỹ sư phát triển phần mềm - Nhân viên IT trong các cơ quan, doanh nghiệp - Chuyên viên quản trị mạng - Nhân viên kiểm thử phần mềm - Chuyên viên nghiên cứu phát triển các giải pháp AI, IoT - Chuyên viên đảm bảo an toàn thông tin - Chuyên viên đào tạo, huấn luyện CNTT - Các vị trí quản lý như Quản lý dự án CNTT, trưởng phòng IT - Tư vấn, triển khai các giải pháp chuyển đổi số - Khởi nghiệp với các dự án CNTT - Hoặc sinh viên có thể tiếp tục học ở các bậc học cao hơn.		

15. Ngành đào tạo Trí tuệ nhân tạo (Kỹ sư) (7480107)

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo				
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			- Tốt nghiệp THPT trở lên và, - Điểm trúng tuyển theo tổ hợp điểm thi tốt nghiệp THPT theo năm tuyển sinh từ 14 điểm trở lên; - Điểm xét theo điều kiện học bạ (theo đề án tuyển sinh) từ 6.0 trở lên; - Điểm xét theo điều kiện học bạ từ 6.0 trở lên kèm 1 trong các thành tích đạt được theo quy định (theo đề án tuyển sinh).		
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			* Kiến thức: TT Nội dung chuẩn đầu ra PLO1 Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ sở ngành: thuật toán và cấu trúc dữ liệu, ngôn ngữ và kỹ thuật lập trình, cơ sở dữ liệu, các công nghệ web, mạng máy tính, và xu hướng công nghệ. PLO2 Thực hiện được các công việc và tham gia được vào quy trình phát triển dự án CNTT và có đủ kỹ năng mềm để tham gia hiệu quả vào các nhóm dự án. PLO3 Có khả năng phân tích thiết kế, phát triển, triển khai vận hành, đảm bảo an toàn thông tin, và bảo trì các hệ thống CNTT. PLO4 Có thể lập trình với các ngôn ngữ lập trình và nền tảng phát triển như: Java, C#/.NET, Python, nền tảng web/mobile, AI và IoT. PLO5 Sử dụng được các công nghệ hiện đại để phát triển những hệ thống ứng dụng thông minh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. PLO6 Thái độ và đạo đức nghề nghiệp		

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo				
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
				Tuân thủ các quy tắc đạo đức và hành vi chuyên nghiệp để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Về khả năng hội nhập và học tập suốt đời Có khả năng học tập suốt đời thông qua tự học, tự nghiên cứu, để bổ sung kiến thức và kỹ năng tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp. PLO7 Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống. PLO8 Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hoá, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống. PLO9 Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gắn kết với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...		
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho			- Chính sách: - Chính sách miễn giảm, học bổng cho sinh viên như học bổng phát triển tài năng, học bổng vượt khó, học bổng vì công lý, học bổng khuyến học - Các quy chế, quy định như: quy chế sinh viên, quy tắc ứng xử cho sinh viên, quy định khen thưởng, kỷ luật; quy chế học tập, rèn luyện - Sinh viên được đánh giá rèn luyện, chuyên cần		

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trình độ đào tạo		
				Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
	người học			- Khuyến khích sinh viên tham gia Nghiên cứu khoa học với các hoạt động như tổ chức Hội thảo khoa học ở các Khoa cho sinh viên, ban hành quy định về công tác Nghiên cứu khoa học trong sinh viên. • Dịch vụ hỗ trợ: - Hỗ trợ giấy tờ cho sinh viên như xác nhận sinh viên, vay vốn, xe buýt... - Hướng dẫn, tư vấn, giới thiệu nhà trọ; nơi thực tập. - Tư vấn tâm lý, sức khỏe cho sinh viên khi có nhu cầu - Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, thắc mắc trong học tập, đời sống sinh hoạt của sinh viên - Tổ chức gặp mặt sinh viên và ban giám hiệu hằng năm - Thông tin về lịch học, thi, chương trình của Nhà trường được thông báo qua nhiều kênh: bảng tin, email cá nhân, website, mạng xã hội... - Phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các chương trình cho sinh viên như an toàn giao thông, lớp học kỹ năng, nghệ thuật... - Hỗ trợ kỹ năng học tập, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp qua các buổi talkshow, chuyên đề • Hoạt động, sinh hoạt: - Hỗ trợ thành lập và duy trì hoạt động các Câu lạc bộ văn nghệ, học thuật cho sinh viên - Tổ chức văn nghệ, giao lưu học hỏi với các trường Đại học, Cao đẳng khác trong khu vực - Tổ chức các hoạt động phong trào: rung chuông vàng, hội trại truyền thống... - Tổ chức các hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng: mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi		

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo							Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học						
				Chính quy						
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			Ban hành CTĐT theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTBD, ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng trường đại học Thái Bình Dương						
				TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ				
						Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn		
				1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	41	12		
				1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	6	9		
				1.2.	Ngoại ngữ	18	18			
				1.3.	Chính trị	11	11			
				1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3		
				2.	NGÀNH	95	71	24		
				2.1.	Cơ sở ngành	24	24			
				2.2.	Cốt lõi ngành	47	47			
				2.3.	Chuyên ngành	18		18		
				2.4.	Lựa chọn liên ngành	6		6		
				3.	TỐT NGHIỆP	12	12			
					TỔNG SỐ TÍN CHỈ	160	124	36		
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45						

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo								Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học							
				Chính quy							
				4.1.	Song ngành		30		30		
				4.2.	Ngành phụ		15		15		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			Có khả năng học tập suốt đời thông qua tự học, tự nghiên cứu, để bổ sung kiến thức và kỹ năng tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp.							
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			❖ Lĩnh vực nghề nghiệp - Công nghiệp phần mềm - Tư vấn xây dựng hệ thống - Công nghiệp nội dung số - Kinh doanh sản phẩm phần mềm và CNTT - Dịch vụ phần mềm và CNTT - Hệ thống thông tin - Dịch vụ giáo dục - Các lĩnh vực ứng dụng phần mềm và CNTT - Các lĩnh vực xử lý dữ liệu ❖ Vị trí nghề nghiệp - Kỹ sư phát triển phần mềm							

STT	Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Trình độ đào tạo		
				Đại học		
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy
				- Nhân viên IT trong các cơ quan, doanh nghiệp - Chuyên viên quản trị mạng - Nhân viên kiểm thử phần mềm - Chuyên viên nghiên cứu phát triển các giải pháp AI, IoT - Chuyên viên đảm bảo an toàn thông tin - Chuyên viên đào tạo, huấn luyện CNTT - Các vị trí quản lý như Quản lý dự án CNTT, trưởng phòng IT - Tư vấn, triển khai các giải pháp chuyển đổi số - Khởi nghiệp với các dự án CNTT		

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Phạm Quốc Lộc